

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST

Ngày 30/9/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn La;

2. Ông Dương Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Quý Đôn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-DS ngày 14/5/2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chu Duy T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025, đơn khởi kiện ngày 12/5/2025, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Chu Duy T trình bày:

Ngày 02/12/2021, anh cùng Hoàng Văn K (là con rể của anh), Hoàng Thị H, Nguyễn Văn B ký hợp đồng góp vốn đăng ký mua đất thuộc dự án: KDC ngã 5 thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang với các lô đất: LK 03: Lô 6,7,8; LK: 02: Lô C. Đến ngày 19/01/2023, chúng tôi gồm Chu Duy T, Hoàng Văn K muốn rút số tiền góp vốn ban đầu với ông Nguyễn Văn B1 và bà Hoàng Thị H, số tiền 4.150.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) để chuyển số tiền đó sang góp vốn với ông Nguyễn Văn D (người chịu trách nhiệm tài trợ quy hoạch và là chủ đầu tư Khu Đô Thị N thị trấn K). Ngày 19/01/2023 tại nhà ông Nguyễn Văn D tại thôn T, xã T, L, tỉnh Bắc Giang, nay là thôn T, xã M, tỉnh Bắc Ninh, gồm có Chu Duy T, Hoàng Văn K và ông Nguyễn Văn D đã ký giấy vay

tiền số tiền 4.150.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) là số tiền được trừ ngang từ hợp đồng đã ký giữa ông Nguyễn Văn B1 và bà Hoàng Thị H ngày 02/12/2021. Tại giấy vay tiền bà Hoàng Thị H có ký tên xác nhận phía người liên quan. Nội dung của giấy vay tiền thể hiện ông Nguyễn Văn D hện trả số tiền 4.150.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) cho ông Chu Duy T và ông Hoàng Văn K vào ngày 30/4/2023. Nếu đến thời hạn 30/4/2023 ông Nguyễn Văn D chưa trả số tiền trên thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của BLDS là 20%/năm trên tổng số tiền vay tính từ ngày vay. Ngày 30/5/2023, ông Nguyễn Văn D đã trả cho anh số tiền vay gốc là: 2.955.000.000 (Hai tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Đến nay, xác định số tiền nợ ông Nguyễn Văn D còn nợ lại là: 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn). Nguồn gốc số tiền trên là tiền cá nhân anh, không liên quan đến vợ anh là Phùng Thị Bích T1. Việc giữa ông B1, chị H đã được giải quyết xong không còn liên quan đến số tiền này, bản thân ông D là người đứng ra vay tiền của anh và là người ký ghi rõ họ tên người vay tiền.

Về lãi suất: Thời gian tính tiền lãi từ ngày 30/5/2023 đến ngày xét xử 30/9/2025 với lãi suất là 20%/năm, là 02 năm 04 tháng = 557.666.600đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh buộc ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả vay 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi: 557.666.600đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Tổng số tiền ông Nguyễn Văn D phải trả 1.752.666.600đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, anh có yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Duy T2 có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Tại biên bản làm việc, ông Nguyễn Văn D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Chu Duy T, ông trả cho anh Chu Duy T số tiền 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và trả lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 326 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Duy T:

Buộc ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả vay 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi: 557.666.600đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Tổng số tiền ông Nguyễn Văn D phải trả 1.752.666.600đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn người cáo tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật và thời hiệu kiện hợp đồng vay tài sản: Anh Chu Duy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Văn D Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tiền theo “giấy biên nhận vay tiền” ngày 19/01/2023, theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Đến ngày 21/4/2025, anh Chu Duy T khởi kiện chưa quá 03 năm nên thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn D, tuy nhiên bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo qui định của pháp luật.

Tòa án không đưa bà Phùng Thị Bích T1, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì các đương sự đã xác định không có liên quan gì trong vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về nghĩa vụ trả tiền vay: Do có mối quan hệ làm ăn, quen biết, ngày 19/01/2023 anh Chu Duy T có cho ông Nguyễn Văn D vay số tiền 4.150.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), vào ngày 30/4/2023 ông D đã trả được số tiền là 2.955.000.000 (Hai tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Đến nay, xác định số tiền ông Nguyễn Văn D còn nợ lại là: 1.195.000.000đ (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn). Phía bị đơn ông Nguyễn Văn D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông Nguyễn Văn D đồng ý trả tiền vay còn lại 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Về lãi suất: Ông Chu Duy T yêu cầu tính lãi, thời gian tính tiền lãi từ ngày 30/5/2023 đến ngày xét xử 30/9/2025 với lãi suất là 20%/năm, là 02 năm 04 tháng = 557.666.600đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Phía bị đơn ông D đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật,), xác định đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất, do đó yêu cầu về lãi suất của anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy xác định đây là tình tiết sự thật được các đương sự thừa nhận không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ chấp nhận. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Duy T: Buộc ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả vay 1.195.000.000 (Một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi: 557.666.600đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Tổng số tiền ông Nguyễn Văn D phải trả 1.752.666.600đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) là có căn cứ cần chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Duy T được chấp nhận. Cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí, tuy nhiên ông D thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Duy T:

Về nghĩa vụ trả tiền: Buộc ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.752.666.600đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) cho anh Chu Duy T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vi Thị Hương Giang

